

Trình độ: ĐẠI HỌC; Ngày thi: 21/12/2020

Môn: KIỂM TOÁN PHẦN HÀNH

ĐÁP ÁN ĐỀ THI CHÍNH THỨC

(Đáp án - Thang điểm gồm 3/3 trang)

Câu	Ý	Nội dung	Điểm
1	1	Trường hợp này là Sai. Giải thích: Vì điều này thường không thể thực hiện được do báo cáo được gửi cho doanh nghiệp là định kỳ. Hơn nữa, thời điểm kiểm toán có thể không phải là thời điểm gửi báo cáo.	0,25 0,5
	2	Trường hợp này là Đúng. Giải thích: Vì cách kiểm tra này phát hiện một nghiệp vụ đã được ghi nhận trên nhật ký bán hàng nhưng không có chứng từ chứng minh liên quan.	0,25 0,5
	3	Trường hợp này là Sai. Giải thích: Vì trong trường hợp như vậy, rủi ro sai phạm tăng lên do việc kiểm nhiệm giữa chức năng nhập liệu và thu tiền. Hơn nữa, việc kiểm nhiệm này làm khả năng phát hiện sai phạm giảm.	0,25 0,5
	4	Trường hợp này là Đúng. Giải thích: Vì một phần của việc đánh giá phương pháp thuê, kiểm toán viên có thể kiểm tra hợp đồng thuê để xác định nếu tài sản đã được phê chuẩn và nếu phương pháp kế toán đã được thông qua.	0,25 0,5
Tổng điểm câu 1			3,0đ

Câu	Ý	Nội dung						Điểm
		Kế toán định khoản (đvt: trđ)	Sai phạm	Cơ sở dữ liệu vi phạm	Định khoản đúng (đvt: trđ)	Bút toán điều chỉnh (đvt: trđ)	Thủ tục kiểm toán	
2	1	Nợ TK 211 50 Nợ TK 133.1 5 Có TK 112.1 55	TSCĐ phục vụ hoạt động phức lợi do quỹ phức lợi đài thọ thì thuế GTGT đầu vào không	Phân loại Đầy đủ	Nợ TK 211 55 Có TK 112.1 55 Nợ TK 353.2 55 Có TK 353.3 55	Nợ TK 211 5 Có TK 133.1 5 Nợ TK 353.2 55 Có TK 353.3 55	KTV thực hiện đối chiếu hóa đơn và chứng từ đính kèm Nhật ký chung, sổ cái, sổ chi tiết TK	1,0

			được khấu trừ.				211, 353.2, 353.3.	
2	Nợ TK 152 12 Nợ TK 133.1 0,6 Có TK 141 12,6	CCDC phải là TK 153.	Phân loại Đầy đủ Quyền và nghĩa vụ.	Nợ TK 153 12 Nợ TK 133.1 0,6 Có TK 141 12,6	Nợ TK 153 12 Có TK 152 12	KTV thực hiện chiếu đơn hàng chứng đính Nhật chung, sổ cái, sổ chi tiết TK 152, 153.	1,0	
3	Nợ TK 155 88 Có TK 331 88	HH phải là TK 156. DN tính thuế GTGT theo PP khấu trừ, nên trị giá nhập kho phải là giá không thuế.	Phân loại Đầy đủ Quyền và nghĩa vụ.	Nợ TK 156.1 80 Nợ TK 133.1 8 Có TK 331 88	Nợ TK 156.1 80 Nợ TK 133.1 8 Có TK 155 88	KTV thực hiện chiếu đơn hàng chứng đính Nhật chung, sổ cái, sổ chi tiết TK 155, 156, TK 133.1.	1,0	
Tổng điểm câu 2								3,0đ

Câu	Ý	Nội dung				Điểm	
		Kê toán định khoản	Ảnh hưởng đến BCKQKD	Ảnh hưởng đến BCDKT	Bút toán đúng (đơn vị tính: triệu đồng)		
3	1	Kê toán không định khoản	-GVHB ↓ 80 -DTBH ↓ 100 ->LNtt ↓ 20 ->Thuế TNDN ↓ 4 ->LNst ↓ 16	-Hàng hóa ↑ 80 -KPTKH ↓ 110 TS ↓ 30	-VAT ra ↓ 10 -Thuế &PNNS ↓ 4 -LNcpp ↓ 16 NV ↓ 30	1a/ Nợ TK 632 80 Có TK 156.1 80 1b/ Nợ TK 131 110 Có TK 511 100 Có TK 333.11 10	1,0
	2	Kê toán không định khoản	-TNK ↓ 5 ->LNtt ↓ 5 -Thuế TNDN ↓ 1 ->LNst ↓ 4	TM ↓ 5 TS ↓ 5	-Thuế &PNNS ↓ 1 -LNcpp ↓ 4 NV ↓ 5	Nợ TK 111.1 5 Có TK 711 5	1,0
	3	Kê toán không định khoản	CPK ↓ 4 ->LNtt ↑ 4 ->Thuế TNDN ↑ 0,8 ->LNst ↑ 3,2	TM ↑ 4 TS ↑ 4	-Thuế &PNNS ↑ 0,8 -LNcpp ↑ 3,2 NV ↑ 4	Nợ TK 811 4 Có TK 111.1 4	1,0

4	Kế toán không định khoản	CPTC ↓ 3 ->LNtt ↑ 3 ->Thuế TNDN ↑ 0,6 ->LNst ↑ 2,4	PTK ↑ 3 TS ↑ 3	-Thuế &PNNS ↑ 0,6 -LNcpp ↑ 2,4 NV ↑ 3	Nợ TK 632 3 Có TK 138.1 3	1,0
Tổng điểm câu 3						4,0đ